

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01927

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11123176	LƯƠNG THỊ Ý NHI	DH11KE	1	Nhi	0,3	0,7	3,2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10123132	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH10KE	1	Hồng	1,3	1,5	2,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11123031	TRẦN HUỖNH YẾN	DH11KE	1	Yến	1,3	1,4	2,1	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123177	VÕ THỊ DIỆM	DH11KE	1	Phúc	1,3	1,5	3,4	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11164009	VÕ THỊ MINH	DH11TC	1	Minh	1,4	1,4	1,7	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11164029	TRẦN HOÀNG	DH11TC	1	Hoàng	0,7	1,4	2,0	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11164010	SƠN THỊ THANH	DH11TC	1	Thanh	0,9	1,4	3,0	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11164004	PHẠM THỊ NHƯ	DH11TC	1	Như	1,5	1,5	4,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11TC	1	Ngọc	1,5	1,5	4,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123046	VÕ THỊ	DH11KE	1	Thị	0,5	1,4	3,9	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11123182	NGUYỄN THỊ CẨM	DH11KE	1	Thị	0,5	1,4	3,9	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123183	QUÁCH MINH	DH11KE	1	Thị	1,4	1,5	2,4	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11164043	LÊ THỊ THU	DH11TC	1	Thu	1,3	1,4	2,3	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11164033	PHẠM ĐOÀN MINH	DH11TC	1	Minh	1,5	1,5	2,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11123158	BÙI MINH	DH11KE	1	Minh	0,9	1,3	3,6	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	DH11KE	1	Mai	1,4	1,5	3,4	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	DH11TC	1	Huyền	1,5	1,5	4,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11164034	NGUYỄN NGỌC BẢO	DH11TC	1	Bảo	1,5	1,5	3,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: 27

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Trần Văn Thanh
Nguyễn Quang Khuê

Nguyễn Văn Thanh
Nguyễn Văn Thanh

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

và Nam Vũ Thanh Hiền
Khúc Lưu Quang Khúc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01926

Trang 1/5

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD101

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (a %)	Đ2 (b %)	Điểm thi (c %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10123257	ĐỖ NGỌC KIM ANH	DH10KE	1	<i>Đỗ Ngọc Kim</i>	0,8	1,4	3,3	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10164004	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	DH10TC	1	<i>Nguyễn Thị Ngọc Bích</i>	0,5	0,5	4,7	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11164001	VÕ QUỐC CÔNG	DH11TC	1	<i>Võ Quốc Công</i>	0,5	1,4	2,4	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123172	HUỖNH THỊ DIỄM	DH11KE	1	<i>Huỳnh Thị Diễm</i>	0,5	1,4	2,8	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10164006	NGUYỄN THỊ KIM DIỆU	DH10TC	1	<i>Nguyễn Thị Kim Diệu</i>	1,4	1,4	3,3	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11164007	NGUYỄN ANH DUY	DH11TC	1	<i>Nguyễn Anh Duy</i>	0,8	1,3	2,1	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11123212	ĐOÀN THỊ MỸ DUYÊN	DH11KE	1	<i>Đoàn Thị Mỹ Duyên</i>	1,3	1,3	2,0	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11164039	NGUYỄN TRƯỞNG KỲ DUYÊN	DH11TC	1	<i>Nguyễn Trương Kỳ Duyên</i>	1,5	1,5	3,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ DUYÊN	DH11KE	1	<i>Phạm Nguyễn Mỹ Duyên</i>	1,5	1,5	6,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10123040	ĐẬU THỊ HÀ	DH10KE	1	<i>Đậu Thị Hà</i>	0,5	1,5	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11164040	NGUYỄN THỊ THU HÀ	DH11TC	1	<i>Nguyễn Thị Thu Hà</i>	0,9	1,4	2,3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11164016	NGUYỄN THỊ HẠNH	DH11TC	1	<i>Nguyễn Thị Hạnh</i>	1,5	1,5	2,1	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11123100	TẠ NGỌC HẠNH	DH11KE	1	<i>Tạ Ngọc Hạnh</i>	1,3	1,5	3,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11123103	TRẦN DIỆU HẰNG	DH11KE	1	<i>Trần Diệu Hằng</i>	1,4	1,5	2,1	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11123109	PHAN NHƯ HOÀI	DH11KE	1	<i>Phan Như Hoài</i>	1,4	1,4	2,4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11123114	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	DH11KE	1	<i>Nguyễn Thị Hương</i>	1,5	1,5	3,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11123117	NGUYỄN THANH LAN	DH11KE	1	<i>Nguyễn Thanh Lan</i>	1,5	1,5	4,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11164019	NGUYỄN THỊ LAN	DH11TC	1	<i>Nguyễn Thị Lan</i>	1,3	1,5	1,4	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 26; Số tờ: 26

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn T. Quý

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Tôn Nhật Đức

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01926

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD101

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (a %)	Đ2 (b %)	Điểm thi (c %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11164020	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH LINH	DH11TC	1	linh	0,5	1,1	1,9	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11123021	TÔ KHÁNH	DH11KE	-	-	-	-	Vg	-	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11KE	1	Thư	0,5	0,5	3,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	DH11KE	1	Thư	1,5	1,5	4,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11123028	ĐỒNG THỊ	DH11KE	1	Thư	1,0	1,5	5,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	DH11KE	1	Ngân	1,5	1,5	6,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11123067	TRẦN THỊ KIM	DH11KE	1	Kim	1,4	1,4	3,7	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11164022	LÊ THỊ NHƯ	DH11TC	1	Như	0,9	1,4	5,2	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	DH11TC	1	Minh	0,5	1,5	2,2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 26.....; Số tờ: 26.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn T. Duy

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Thị Kiều

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01925

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (a %)	Đ2 (b %)	Điểm thi (c %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10123254	ĐẶNG A	DH10KE			4.0	1.1	3.9	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10123002	ĐẶNG THỊ TUYẾT	DH10KE			0.5	1.1	3.1	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10123258	HOÀNG TUẤN	DH10KE			4.0	1.2	3.3	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11164013	NGUYỄN THỊ CẨM	DH11TC			1.1	1.1	3.2	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11123003	NGUYỄN THIÊN	DH11KE			1.0	1.3	2.7	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11123072	TÔ THỊ HỒNG	DH11KE			4.0	1.1	2.4	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11123091	NGUYỄN THỊ KIM	DH11KE			1.1	1.5	4.1	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11123169	NGUYỄN HẠNH	DH11KE			1.1	1.5	3.6	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11123006	NGUYỄN BÌNH	DH11KE			0.9	1.0	3.5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123099	NGUYỄN THỊ MỸ	DH11KE			0.5	1.5	3.8	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	DH09KE							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123101	BÙI THỊ	DH11KE			0.4	0.9	1.1	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10123055	NGUYỄN THỊ THANH	DH10KE			1.1	1.2	3.1	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11123102	PHẠM THỊ	DH11KE			0.5	1.1	3.7	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11123104	TRƯƠNG THANH	DH11KE			0.9	1.2	3.3	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10123060	CHÂU THỊ THANH	DH10KE			0.5	0.7	3.8	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11123010	PHẠM THỊ	DH11KE			1.0	1.1	3.9	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11123110	HÀ THỊ MINH	DH11KE			1.2	1.2	3.4	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 7.8; Số tờ: 7.8

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01925

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (a %)	Đ2 (b %)	Điểm thi (C %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11123011	NGÂN THỊ KIM HỒNG	DH11KE			0,5	0,9	4,3	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11123013	TRỊNH THỊ	DH11KE			0,5	0,9	2,6	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11123112	ĐÌNH THỊ NGỌC	DH11KE			0,5	1,3	2,4	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123015	PHAN THỊ THANH	DH11KE			0,8	1,3	2,9	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11123016	VŨ THỊ THU	DH11KE			0,5	0,8	1,9	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10123081	LÊ THỊ LONG	DH10KE			1,3	1,3	3,6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10123083	NGÔ THỊ	DH10KE			0,5	1,2	4,2	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11123019	BÙI THỊ MỸ	DH11KE			1,1	1,2	2,1	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10123003	NGUYỄN THỊ THÙY	DH10KE			0,5	1,5	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11164021	PHẠM MỸ	DH11TC			0,8	1,0	2,6	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11123123	TRẦN THỊ MỸ	DH11KE			1,4	1,4	3,2	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11123022	NGUYỄN THỊ	DH11KE			1,5	1,4	3,1	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11123124	NGUYỄN THỊ	DH11KE			0,4	1,4	2,2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11123023	TRỊNH THỊ	DH11KE			1,3	1,3	3,6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10123107	VÕ THỊ TUYẾT	DH10KE			0,5	1,3	4,6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11123027	TRẦN THỊ	DH11KE			1,2	1,4	3,2	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11123066	NGUYỄN HOÀNG	DH11KE			0,5	1,3	4,6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	09123089	TRẦN CAO PHƯƠNG	DH09KE			0,5	0,5	5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01925

Trang 3/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10123111	VÕ THỊ HỒNG	NGA	DH10KE		0,5	1,1	3,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	10123116	ĐỖ THỊ THÚY	NGÂN	DH10KE		0,5	1,3	4,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	10123117	ĐỖ THỊ TUYẾT	NGÂN	DH10KE		1,1	1,5	3,1	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11123075	NGUYỄN BÍCH	NGÂN	DH11KE		0,9	1,5	3,9	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	10123124	NGUYỄN MINH	NGỌC	DH10KE		0,9	1,5	5,1	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11123131	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	DH11KE		0,8	1,1	5,9	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	10123126	TRẦN NGUYỄN MINH	NGỌC	DH10KE		0,5	1,5	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11164008	LÂM THẢO	NGUYỄN	DH11TC		1,1	1,2	2,2	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11123134	LÊ THỊ YẾN	NHI	DH11KE		1,3	1,1	2,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	10123133	VÕ HỒNG	NHI	DH10KE		4,5	1,1	3,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	10164028	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	DH10TC		0,1	0,2	4,7	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11123211	HOÀNG THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	DH11KE		0,7	1,5	2,3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH10KE		0,9	1,1	3,3	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11123037	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	DH11KE		1,1	1,5	3,1	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11123038	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯƠNG	DH11KE		1,1	1,5	3,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11123039	PHAN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH11KE		0,1	0,8	0,8	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11123041	VÕ THỊ TÚ	QUYÊN	DH11KE		1,1	1,5	3,1	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	10123160	NGÔ MINH	SANG	DH10KE		0,5	1,1	4,6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 78; Số tờ: 78

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01925

Trang 4/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 2 (208351) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 21/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11123179	Ỗ TỖ SEN	DH11KE		Sen	1.3	1.4	4.3	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11123146	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	DH11KE		Phu	1.4	1.5	2.9	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11123147	PHẠM THỊ THU THẢO	DH11KE		thảo	0.7	1.2	2.1	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11123149	NGUYỄN THỊ THIỆU	DH11KE		Thieu	0.4	1.5	2.7	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11123152	NGUYỄN NGỌC DIỆM THU	DH11KE		Thu	0.5	1.4	2.3	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU THU	DH11KE		Thieu	1.3	1.4	1.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11123153	PHẠM THỊ MINH THU	DH11KE		Thieu	1.4	1.4	2.2	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	10123183	TỔNG THỊ THÙY	DH10KE		Thuy	1.4	1.5	2.5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11123154	ĐỖ THỊ CẨM THÚY	DH11KE		Thuy	1.3	1.4	4.3	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11123157	PHẠM ĐOAN THUY	DH11KE		Thuy	1.4	1.5	3.1	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	10123189	PHẠM THỦY TIÊN	DH10KE		Thuy	0.2	0.3	4.0	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11123161	PHẠM MINH TRANG	DH11KE		Thuy	1.3	1.3	2.4	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11123162	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	DH11KE		Thuy	0.4	0.5	4.1	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	10123201	NGUYỄN THỊ HỒNG TRÂM	DH10KE		Thuy	0.4	0.4	4.0	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11123082	TRẦN THỊ HÀ TRÂM	DH11KE		Thuy	0.5	1.1	3.0	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11123166	VŨ THỊ THANH TRÂM	DH11KE		Thuy	0.5	1.4	2.1	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG TRÂM	DH11KE		Thuy	1.4	1.4	2.2	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂN	DH11KE		Thuy	0.5	1.4	3.7	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 8; Số tờ: 8

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trang 5/5

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

12 Minh Thanh
Đầu Đít Wau